

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị E, sinh năm 1975; nơi thường trú: Tổ A, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Võ H, sinh năm 1975; nơi thường trú: Tổ A, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Cao Thị E trình bày:

Về hôn nhân: Bà Cao Thị E và ông Võ H chung sống năm 1999, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn L), huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 8 năm 2003. Hôn nhân tự nguyện.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không còn thương yêu tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã. Bà E và ông H hiện không còn sống chung. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, bà E yêu cầu được ly hôn ông H.

Về con chung: Bà E và ông H có 02 con chung là cháu Võ Cao Tài T, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2006 và cháu Võ Cao T1, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2008. Cháu T hiện đã trưởng thành có việc làm ổn định. Cháu T1 hiện đang sống chung với bà E.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà E không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Võ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông H không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của bà E và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Theo biên bản xác minh ngày 14 tháng 6 năm 2024, Công chức Tư pháp thị trấn L, huyện B cung cấp như sau: Bà E và ông H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn, do bà E, ông H không trình báo nên địa phương không có thông tin.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Cao Thị E vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Võ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của BLTTDS như thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải, triệu tập nguyên đơn, bị đơn.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi thường trú tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự theo quy định Điều 68 của BLTTDS.

Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của BLTTDS.

Về trình tự thụ lý thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 195 BLTTDS, thông báo thụ lý cho đương sự và viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196 của BLTTDS.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

Việc chuyển giao hồ sơ và gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 220 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 của BLTTDS. Thư ký tuân theo các Điều 51 và Điều 237 của BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn là đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nên có cơ sở để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Bà E và ông H chung sống với nhau vào năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B (nay là huyện B) vào ngày 26/8/2003, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống cả hai thường xảy ra bất đồng quan điểm, cả hai không thể hàn gắn được cuộc sống hôn nhân.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú được biết: Bà E và ông H là vợ chồng, quá trình chung sống tại địa phương trong cuộc sống gia đình có phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Xét thấy, bà E và ông H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, mục đích sống chung không có ý nghĩa hiện cả hai đang sống ly thân. Nguyên đơn và bị đơn không có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: có hai người con chung là cháu Võ Cao Tài T (sinh năm 2006) và cháu Võ Cao T1 (sinh năm 2008) bà E yêu cầu nuôi dưỡng cháu T1 không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà E có công việc ổn định và hiện nay con chung đang sinh sống ổn định với bà E. Tại biên bản lấy lời khai, cháu T1 thể hiện mong muốn được sống chung với nguyên đơn. Do đó,

giao con chung cho nguyên đơn trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là chính đáng và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Võ H có nơi cư trú tại tổ A, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Cao Thị E khởi kiện ông Võ H, yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Cao Thị E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Võ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: mối quan hệ hôn nhân giữa bà Cao Thị E và ông Võ H là hôn nhân hợp pháp. Bà E yêu cầu ly hôn ông H do vợ chồng mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau, hiện không còn sống chung với nhau. Có cơ sở xác định hôn nhân bà E, ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà E yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Cao Thị E và ông Võ H có 02 con chung gồm: cháu Võ Cao Tài T, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2006 và cháu Võ Cao T1, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2008. Cháu T đã trưởng thành, bà E không yêu cầu nên

Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu T1, bà E yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1. Quá trình tố tụng, cháu T1 có nguyện vọng được sống với bà E. Xét, bà E có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử xét, giao con chung cho bà E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà E không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Cao Thị E và ông Võ H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Cao Thị E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, khoản 1 Điều 59, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị E đối với bị đơn ông Võ H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Cao Thị E và ông Võ Hiếu .

Về nuôi con chung: giao cháu Võ Cao T1, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2008 cho bà Cao Thị E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà E không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Cao Thị E và ông Võ H không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Cao Thị E phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003440 ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết